

Số: 2299 /QĐ-ĐHTN-ĐTĐH

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 10 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ Chính quy cho sinh viên thuộc khoa Sư phạm**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp của hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp sinh viên ngày 31/10/2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Trưởng khoa Sư phạm,

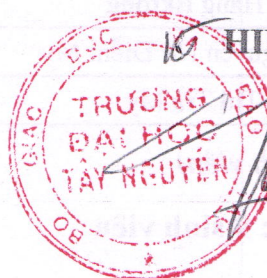
### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ Chính quy năm 2019 cho 9 sinh viên thuộc khoa Sư phạm (trong đó ngành Giáo dục Mầm non 1 sinh viên, ngành Giáo dục Tiểu học 1 sinh viên, ngành Giáo dục Thể chất 4 sinh viên, ngành Sư phạm Ngữ văn 3 sinh viên) có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Sư phạm, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng;
- P. Công tác sinh viên;
- Trung tâm thông tin (đăng Website);
- Lưu: VT, ĐTĐH (06b).



**HIỆU TRƯỞNG**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PGS-TS. Nguyễn Văn Nam

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**  
(Kèm theo Quyết định số: 2299 /QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 31 tháng 10 năm 2019  
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

**Trình độ: Đại học**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**I. Ngành Giáo dục Mầm non**

| STT | Mã SV    | Họ và tên     | Ngày sinh | Nam<br>(Nữ) | Điểm<br>TBC | Xếp loại | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|-----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 1   | 15903006 | Phạm Thị Dung | 12/4/1997 | Nữ          | 3,01        | Khá      |         |

(Tổng 1 sinh viên)

**II. Ngành Giáo dục Tiểu học**

**1. Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai**

| STT | Mã SV    | Họ và tên        | Ngày sinh | Nam<br>(Nữ) | Điểm<br>TBC | Xếp loại | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|-----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 1   | 15902020 | H' Ra - Ur Hwing | 08/4/1997 | Nữ          | 2,56        | Khá      |         |

(Tổng 1 sinh viên)

**III. Ngành Giáo dục Thể chất**

| STT | Mã SV    | Họ và tên       | Ngày sinh  | Nam<br>(Nữ) | Điểm<br>TBC | Xếp loại   | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------|------------|-------------|-------------|------------|---------|
| 1   | 13605023 | Trần Minh Hưng  | 30/3/1995  | Nam         | 2,43        | Trung bình |         |
| 2   | 13605027 | Nay Ké          | 04/4/1993  | Nam         | 2,55        | Khá        |         |
| 3   | 13605029 | Lương Thị Mỹ Lệ | 29/11/1995 | Nữ          | 2,68        | Khá        |         |
| 4   | 13605045 | Trần Hoàng Quý  | 11/02/1995 | Nam         | 2,73        | Khá        |         |

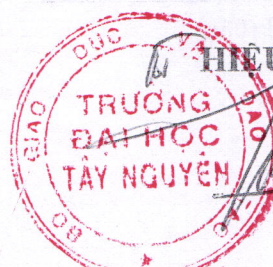
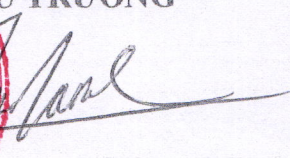
(Tổng 4 sinh viên)

**IV. Ngành Sư phạm Ngữ văn**

| STT | Mã SV    | Họ và tên         | Ngày sinh  | Nam<br>(Nữ) | Điểm<br>TBC | Xếp loại   | Ghi chú |
|-----|----------|-------------------|------------|-------------|-------------|------------|---------|
| 1   | 15601005 | H' Hằng Bkrông    | 01/01/1997 | Nữ          | 2,44        | Trung bình |         |
| 2   | 15601025 | Nguyễn Nữ Diễm My | 24/9/1996  | Nữ          | 2,62        | Khá        |         |
| 3   | 13601038 | Lê Thị Trà My     | 12/12/1995 | Nữ          | 2,92        | Khá        |         |

(Tổng 3 sinh viên)

**Tổng cộng: 9 sinh viên**


**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
 PGS-TS: Nguyễn Văn Nam